TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-02-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu

Ông Nguyễn Thanh Rực

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà H Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Hồng Thủy -Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 17-01-2024, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà Trịnh Thị Ngân H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 52/2 đường D, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- <u>*Bị đơn*</u>: Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trịnh Thị Ngân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông G kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào năm 2021. Trong thời gian đầu thì ông bà sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau,

thường xuyên cãi nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông G.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà H với ông G có 01 người con chung là Nguyễn Chí T (nam, sinh ngày 10/9/2021) hiện nay đang sống chung với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thanh và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Thanh G đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp Hnh đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Thanh G vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, ông Nguyễn Thanh G đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thanh G.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trịnh Thị Ngân H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Thanh G có nơi cư trú tại xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[4]. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Thanh G sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến Hnh cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông G nhưng ông không có kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và phiên hòa giải nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến Hnh giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông G kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền G vào năm 2021, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và tại thời điểm kết hôn bà H và ông G không vi phạm điều cấm kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa bà H và ông G là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong thời gian đầu chung sống, thì bà H và ông G sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 3/2023 thì bắt đầu phát sinh nhiều mẫu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có sự tôn trọng nhau. Do đó, bà H và ông G đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không sống chung với nhau như vợ chồng, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân Gia đình.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông G đã đến mức trầm trọng, không thể Hn gắn hay hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[6]. Về con chung: Xét thấy, do cháu Nguyễn Chí T (nam, sinh ngày 10/9/2021) đang do bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, được chăm sóc và giáo dục trong điều kiện tốt nhất, cháu T hiện đang sống ổn định và phát triển về mọi mặt, cháu T đã quen với điều kiện môi trường sống chung với mẹ. Do đó, nhằm ổn định sự phát triển về mọi mặt tâm sinh lý và đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T được tốt nhất, cũng như nhằm tránh gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu T nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T cho bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi tHnh niên (đủ 18 tuổi) và việc bà H không cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H tự trình bày là không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng cũng như quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Ngân H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh G.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Chí T (nam, sinh ngày 10/9/2021) cho bà Trịnh Thị Ngân H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình. Ông Nguyễn Thanh G không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thanh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Thị Ngân H tự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị Ngân H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000627 ngày 20-11-2023 của Chi cục Thi Hnh án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên bà Trịnh Thị Ngân H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi Hnh án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi Hnh án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi Hnh án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- UBND xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Quốc

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- UBND xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Quốc

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND xã Đa Lộc, huyện Châu THnh, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Quốc

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND xã Đa Lộc, huyện Châu THnh, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Quốc

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước **Huỳnh Phước** **Nguyễn Quốc Định**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H Văn Châu **Huỳnh Phước** **Nguyễn Quốc Định**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Cận **Huỳnh Phước** **Nguyễn Quốc Định**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Phước **H Văn Châu** **Nguyễn Quốc Định**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

Theo nội dung hợp đồng đặt cọc ngày 25-01-2021 thì không thể hiện thời hạn giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng theo tờ tường trình ngày 5-4-2021 của bà Thu đã nộp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì bà Thu và ông Kiên đều thừa nhận khi nào bà Thu được làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các bên sẽ ra công chứng để thực hiện việc giao kết hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Mặt khác, căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 752026 thì bà Trần Thị Thu đã được Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19-02-2021 đối với phần đất và căn nH thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 24, tọa lạc Khóm 2, Phường 4, tHnh phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là phần đất và tài sản gắn liền với đất mà bà Thu và ông Kiên đã thỏa thuận chuyển nhượng, mua bán. Do đó, có đủ cơ sở xác định thời hạn đặt cọc nhằm đảm bảo cho việc thực hiện việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nH nêu trên là kể từ khi ký hợp đồng đặt cọc ngày 25-01-2021 đến ngày bà Thu được cấp giấy là ngày 19-02-2021.

Tuy nhiên, sau khi bà Thu được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất CX 752026 thì bà Thu không đồng ý tiếp tục thực hiện giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như đã thỏa thuận với ông Kiên tại hợp đồng đặt cọc ngày 25-01-2021 nên bà Thu đã vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc: *"...Bên B có nghĩa vụ đăng ký sang tên quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp bên B không cung cấp giấy tờ liên quan về thửa đất, hay thửa đất bị tranh chấp, đổi ý không bán thì phải bồi thường gấp 5 lần số tiền mà bên A đã đặt cọc..."* và quy định tại Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "... *Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*.". Do bà Thu đã từ chối không tiếp tục việc giao kết kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nên ông Kiên yêu cầu bà Thu phải trả tiền cọc 60.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 60.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và các cơ sở nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

THNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Phước **H Văn Châu** **Nguyễn Quốc Định**